



CẨM NANG

CÁC QUY ĐỊNH MỚI CỦA PHÁP LUẬT VỀ HÌNH SỰ, TỔ TỤNG HÌNH SỰ, TƯ PHÁP NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN, THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ, ĐẶC XÁ

Cẩm nang này giới thiệu các quy định mới của pháp luật tại các văn bản: **(1)** Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2025 (Luật số 86/2025/QH); **(2)** Bộ luật Tổ tụng hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015 (Luật số 99/2025/QH); **(3)** Luật Tư pháp người chưa thành niên được sửa đổi, bổ sung năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 85/2025/QH15); **(4)** Các luật liên quan đến thi hành án hình sự, đặc xá...;

I. BỘ LUẬT HÌNH SỰ (sửa đổi, bổ sung năm 2025)

Ngày 25/6/2025, tại Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật số 86/2025/QH 15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự, trong đó sửa đổi, bổ sung 39 điều của Bộ luật Hình sự, có hiệu lực từ ngày 01/7/2025. Luật này có những nội dung sửa đổi mới như sau:

1. Bổ sung Tội sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 256a)

Bổ sung Tội sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 256a) theo hướng chỉ xử lý đối với những trường hợp sau đây mà tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy: (1) Đang trong thời hạn cai nghiện ma túy hoặc điều trị nghiện các chất ma túy bằng thuốc thay thế; (2) Đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy; (3) Đang trong thời hạn 02 năm kể từ ngày hết thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy và trong thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; (4) Đang trong thời hạn 02 năm kể từ khi tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện hoặc điều trị nghiện các chất ma túy bằng thuốc thay thế.

Căn cứ bổ sung tội danh:

- Ngày 18/3/2025, Bộ Chính trị có Kết luận số 132-KL/TW về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy, theo đó, cần phải *“áp dụng chính sách hình sự nghiêm khắc hơn để giảm cầu ma túy, chặn đứng mối quan hệ cung, cầu ma túy”*.

- Theo Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 16/08/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy thì cần có *chế tài nghiêm khắc hơn đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy*.

- Thực tiễn công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật về ma túy thấy rằng, hiện nay, tình hình nghiện ma túy diễn ra rất phức tạp, số người nghiện ma túy đang có xu hướng gia tăng gây ra các áp lực về an ninh, trật tự, an toàn xã hội¹.

¹ Theo thống kê, từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/5/2025, tỉ lệ tội phạm do người sử dụng trái phép chất ma túy thực hiện chiếm tỉ lệ gần **10%** trên tổng số tội phạm được phát hiện; trong đó, tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm



- Pháp luật hiện hành đang quy định xử lý về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và tội danh này chủ yếu hướng tới đối tượng tàng trữ để sử dụng trái phép chất ma túy. Có nghĩa là, một người sau khi mua chất ma túy để sử dụng, nếu chưa kịp sử dụng mà bị phát hiện thì có thể bị xử lý hình sự về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, còn nếu đang hoặc đã sử dụng thì lại không bị xử lý về hành vi tương ứng.

- Thực tế công tác cai nghiện ma túy cho thấy, nhiều người đang trong quá trình cai nghiện hoặc ngay sau khi kết thúc quá trình cai nghiện vẫn tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy nhưng chưa có biện pháp hoặc chế tài để giải quyết đối với những trường hợp này.

Các yếu tố cấu thành cơ bản của Tội sử dụng trái phép chất ma túy:

- *Về chủ thể của tội phạm:* Chủ thể của tội phạm này là cá nhân có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi theo luật định, theo đó, người này phải là người có đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của mình trong khi thực hiện hành vi phạm tội; về độ tuổi, cá nhân từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội này.

Bên cạnh yếu tố về năng lực trách nhiệm hình sự và độ tuổi, chủ thể của Tội sử dụng trái phép chất ma túy còn phải có các điều kiện sau:

+ Trường hợp tại điểm a khoản 1 Điều 256a: Nếu một người sử dụng trái phép chất ma túy bị phát hiện lần đầu, họ sẽ bị cơ quan có thẩm quyền ra Quyết định quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy trong vòng 01 năm. Trong 01 năm đó, nếu phát hiện người này tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy thì xác định tình trạng nghiện và đưa họ vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (*tối đa 24 tháng*) hoặc cho phép họ cai nghiện tự nguyện (*tối đa 12 tháng*) hoặc điều trị nghiện các chất ma túy bằng thuốc thay thế. Nếu trong thời hạn cai nghiện hoặc trong thời gian điều trị nghiện các chất ma túy bằng thuốc thay thế theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy mà phát hiện người đó tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy thì xử lý hình sự;

+ Trường hợp tại điểm b khoản 1 Điều 256a: Sau thời hạn cai nghiện ma túy, cơ quan có thẩm quyền sẽ ra quyết định để quản lý sau cai đối với những người này, thời hạn quản lý sau cai đối với người đã cai nghiện ma túy tự nguyện là 01 năm và thời hạn quản lý sau cai đối với người đã cai nghiện bắt buộc là 02 năm. Nếu trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy này, người đó bị phát hiện tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy thì bị xử lý hình sự;

+ Trường hợp tại điểm c khoản 1 Điều 256a: Sau khi hết thời hạn quản lý sau cai (*01 năm đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện; 02 năm đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc*) và trong 02 năm tiếp theo, nếu phát hiện một người sử dụng trái phép chất ma túy thì cơ quan có thẩm quyền ra quyết định quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy (01 năm) đối với người đó, nếu trong thời hạn quản lý này, phát hiện người đó tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy thì xử

đặc biệt nghiêm trọng chiếm tỉ lệ **5,3%** trên tổng số tội phạm được phát hiện. Đặc biệt tội phạm giết người do người nghiện chất ma túy và người sử dụng trái phép chất ma túy gây ra trong thời gian này là khoảng trên **200** vụ (trong đó có khoảng trên 40 trường hợp giết người mà nạn nhân là người thân trong gia đình).



+ Trường hợp tại điểm d khoản 1 Điều 256a: Nếu một người được cai nghiện ma túy tự nguyện hoặc điều trị nghiện các chất ma túy bằng thuốc thay thế theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy mà tự ý chấm dứt việc cai nghiện hoặc điều trị, thì đang trong thời hạn 02 năm kể từ khi tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện hoặc chấm dứt việc điều trị, nếu họ bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy thì sẽ bị xử lý hình sự.

Như vậy, việc xử lý hình sự đối với một người sử dụng trái phép chất ma túy chỉ đặt ra khi người này đã và đang được áp dụng các biện pháp cai nghiện nhưng bị phát hiện tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy.

- *Về khách thể của tội phạm:* Khách thể của Tội sử dụng trái phép chất ma túy là các mối quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ, cụ thể là: sức khỏe, tính mạng và sự an toàn của con người; chế độ thống nhất quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Do đặc tính dược lý của ma túy là loại độc được gây nghiện nên Nhà nước xác lập chế độ thống nhất quản lý, theo đó, Nhà nước nghiêm cấm hoạt động sản xuất, mua bán, tàng trữ, sử dụng... các chất ma túy cũng như các dạng tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy. Ngoài việc xâm phạm chế độ thống nhất quản lý chất ma túy, Tội sử dụng trái phép chất ma túy còn trực tiếp xâm hại đến sức khỏe, tính mạng của người sử dụng; xâm phạm đến sự phát triển bình thường của giống nòi dân tộc; xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội, vì nghiện ma túy là một trong những nguyên nhân trực tiếp gây ra các loại tội phạm khác như trộm cắp tài sản, cướp tài sản... để có tiền sử dụng ma túy, hoặc trong trường hợp người nghiện bị “ngáo đá”, ảo giác có thể gây ra các tội đặc biệt nghiêm trọng như hiếp dâm, giết người...

- *Về mặt khách quan:* Mặt khách quan của tội này bao gồm hành vi khách quan, hậu quả do hành vi khách quan đó gây ra. Hành vi khách quan của Tội sử dụng trái phép chất ma túy là tương đối đa dạng, có thể là hút, hít, chích, uống, ăn... Người sử dụng trái phép chất ma túy thường thực hiện hành vi một cách lén lút để che dấu hành vi, địa điểm sử dụng thường là những nơi kín đáo hoặc những nơi mà “con nghiện” thường tập trung để sử dụng chất ma túy như vũ trường, quán bar...

- *Về hậu quả:* (1) Về mặt xã hội, ma túy là nguyên nhân gây ra nhiều loại tội phạm, trực tiếp gây ra các các nguy cơ về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, gây băng hoại và phá vỡ các nền tảng đạo đức xã hội; vấn nạn ma túy làm giảm chất lượng nguồn lao động, giảm chất lượng giống nòi, là nguyên nhân chính làm lây nhiễm HIV/AIDS; ảnh hưởng nghiêm trọng đến phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. (2) Về mặt cá nhân, chất ma túy khi được đưa vào cơ thể sẽ gây ra tình trạng nhiễm độc làm người sử dụng rơi vào trạng thái lú lẫn tâm trí, gây ra ảo giác, loạn thần, gây tổn thương hệ thống thần kinh trung ương. Sử dụng ma túy lâu dài sẽ khiến người nghiện ma túy hoàn toàn lệ thuộc vào nó, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, sinh hoạt và lao động hằng ngày, gây tốn kém, hao tổn tiền bạc và trực tiếp ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình.



- *Về mặt chủ quan*: Mặt chủ quan của tội này bao gồm yếu tố lỗi, động cơ, mục đích phạm tội. Về yếu tố lỗi, lỗi của Tội sử dụng trái phép chất ma túy là lỗi cố ý trực tiếp, người thực hiện hành vi biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm, gây nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi. Về động cơ, mục đích, người sử dụng trái phép chất ma túy có động cơ, mục đích trực tiếp là thỏa mãn nhu cầu “không lành mạnh” của bản thân, khi lên cơn nghiện, người nghiện mà túy sẽ tìm mọi cách để thỏa mãn nhu cầu ấy.

2. Thu hẹp hình phạt tử hình

Bỏ hình phạt tử hình đối với 08 tội danh: *Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân (Điều 109); Tội gián điệp (Điều 110); Tội phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 114); Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh (Điều 194); Tội vận chuyển trái phép chất ma túy (Điều 250); Tội tham ô tài sản (Điều 353); Tội nhận hối lộ (Điều 354); Tội phá hoại hòa bình, gây chiến tranh xâm lược (Điều 421).*

Căn cứ đề xuất bỏ hình phạt tử hình trong 08 tội danh

- *Căn cứ chung*:

+ Thẻ chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về thu hẹp hình phạt tử hình tại Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; chỉ đạo của Bộ Chính trị trên cơ sở Đề án liên quan đến tử hình mà Viện kiểm sát nhân dân tối cao trình, Bộ Chính trị đã cơ bản thống nhất với giải pháp trong Đề án, trong đó, có thu hẹp các tội danh còn hình phạt tử hình trong Bộ luật Hình sự.

+ Theo định hướng tiến tới xóa bỏ hình phạt tử hình: từ Bộ luật Hình sự năm 1985 có **44** tội có hình phạt tử hình, đến Bộ luật Hình sự năm 1999 còn **29** tội có hình phạt tử hình, Bộ luật Hình sự sửa đổi năm 2009 còn **22** tội có hình phạt tử hình, đến Bộ luật Hình sự năm 2015 chỉ còn **18** tội có hình phạt tử hình. Luật lần này được thông qua, chỉ còn **10** tội danh còn hình phạt tử hình.

+ Đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế trong lĩnh vực tư pháp hình sự:

(1) Xu hướng của các nước trên thế giới là tiếp tục thu hẹp hình phạt tử hình và hạn chế áp dụng hình phạt tử hình, tiến tới không áp dụng hình phạt tử hình. Trên thế giới hiện nay có 104 quốc gia đã xóa bỏ hình phạt tử hình, có 28 quốc gia tuy pháp luật còn quy định nhưng trên thực tế không còn áp dụng, 08 quốc gia đã xóa bỏ hình phạt tử hình trên thực tế nhưng sẽ áp dụng trong một vài trường hợp bất khả kháng (như tội phạm chiến tranh). Còn 55 quốc gia vẫn duy trì hình phạt tử hình và thi hành án tử hình trong đó có Việt Nam.

(2) Điều 6 Công ước của Liên hợp Quốc về quyền dân sự và chính trị, tuy không cấm các quốc gia áp dụng hình phạt tử hình nhưng chỉ áp dụng đối với các **tội ác nghiêm trọng nhất**, với tình hình kinh tế, xã hội như hiện tại chưa cho phép Việt Nam xóa bỏ hoàn toàn hình phạt tử hình, do đó, Luật giữ lại hình phạt tử hình đối với các tội có tính chất tàn ác, xâm hại trực tiếp đến tính mạng con người, làm



ảnh hưởng đến sự phát triển của giống nòi, điều này phù hợp với quy định của Công ước của Liên hợp Quốc về quyền dân sự và chính trị; đồng thời, thể hiện trách nhiệm, thực hiện nghĩa vụ của Việt Nam với tư cách là thành viên tham gia cơ bản các điều ước quốc tế về nhân quyền.

(3) Quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, việc sửa đổi hệ thống pháp luật mang tính tương đồng với các quốc gia trên thế giới góp phần thúc đẩy các quan hệ hợp tác ngày càng bền chặt và tin tưởng lẫn nhau.

- *Căn cứ cụ thể:*

+ *Về tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân, tội gián điệp, tội phá hoại cơ sở vật chất – kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam*, việc bỏ hình phạt tử hình đối với tội này vì các lý do sau đây:

Thứ nhất, thời gian qua, cơ quan chức năng chưa áp dụng hình phạt tử hình đối với các tội phạm này;

Thứ hai, so sánh với các tội tại Chương Tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia như Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân, Tội bạo loạn thì tội danh này không trực tiếp đe dọa đến tính mạng của con người, do đó, không cần thiết phải áp dụng hình phạt tử hình.

+ *Về Tội sản xuất, buôn bán hàng giả, thuốc chữa bệnh và thuốc phòng bệnh*, việc bỏ hình phạt tử hình đối với tội này vì các lý do sau đây:

Thực tiễn chưa có trường hợp nào bị tuyên án tử hình về tội danh này. Bên cạnh đó, cơ chế bảo vệ người tiêu dùng chưa tạo ra hành lang hữu hiệu giúp người tiêu dùng nhận biết hàng giả, hàng thật cũng là lỗi hổng tạo điều kiện cho tội phạm này được thực hiện trên thực tế. Bởi vậy, thay vì áp dụng hình phạt tử hình để răn đe người phạm tội thì cần có các biện pháp khác để phòng ngừa như tăng cường quản lý nghiêm ngặt, tránh tình trạng do sự yếu kém, không quản lý được thì cấm hoặc phạt thật nặng.

+ *Về Tội vận chuyển trái phép chất ma túy*, việc bỏ hình phạt tử hình đối với tội này vì các lý do sau đây:

Thứ nhất, thực tiễn cho thấy, đây là tội danh có tỉ lệ áp dụng hình phạt tử hình cao thứ hai trong các tội danh còn hình phạt tử hình trong Bộ luật Hình sự hiện hành (*chiếm 26,36% trên tổng số vụ xử tử hình*)², do vậy, bỏ hình phạt tử hình đối với tội này sẽ góp phần thiết thực vào việc hạn chế áp dụng hình phạt tử hình trong xét xử các vụ án hình sự, đồng thời, làm giảm đáng kể số lượng người đã bị kết án tử hình về tội này đang chờ thi hành án, đáp ứng yêu cầu về thu hẹp hình phạt tử hình trong chính sách hình sự.

Thứ hai, so sánh tương quan với tội mua bán trái phép chất ma túy và tội sản xuất trái phép chất ma túy (các tội vẫn duy trì hình phạt tử hình) thì tội vận

² Số liệu thống kê từ 01/01/2018 đến ngày 31/5/2024 trong Đề án liên quan đến tử hình Viện kiểm sát nhân dân tối cao trình Bộ Chính trị.



chuyển trái phép chất ma túy có tính chất trung gian, ít nguy hiểm hơn với hành vi mua bán, sản xuất.

Thứ ba, thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy thấy rằng, rất nhiều trường hợp người vận chuyển trái phép chất ma túy là người dân tộc thiểu số, có hoàn cảnh khó khăn, trình độ hiểu biết pháp luật thấp, hưởng lợi với số tiền ít. Trong rất nhiều trường hợp, mặc dù đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ nhưng với khối lượng ma túy vận chuyển rất lớn và đủ yếu tố cấu thành theo quy định của Bộ luật Hình sự hiện hành nên những người này vẫn bị kết án tử hình, có những gia đình cả bố, con đều bị kết án tử hình, có những bản làng có đến hàng trăm người bị kết án tử hình gây những hệ lụy khôn lường về mặt kinh tế, xã hội, để lại hậu quả nặng nề cho các thế hệ sau của họ³.

Thứ tư, hiện nay, theo quy định của Bộ luật Hình sự hiện hành thì một người nếu vận chuyển trái phép chất ma túy nhằm mục đích mua bán hoặc mục đích sản xuất trái phép chất ma túy, theo quy định của pháp luật sẽ bị xử lý về tội mua bán trái phép chất ma túy hoặc sản xuất trái phép chất ma túy và 02 tội danh này theo quy định của Bộ luật Hình sự thì đều có khung hình phạt cao nhất là tử hình.

Thứ năm, hiện nay, nhiều nước trên thế giới đã yêu cầu Việt Nam phải cam kết không áp dụng hình phạt tử hình hoặc tuyên nhưng không thi hành án tử hình đối với những vụ án về ma túy, nhưng đến nay, Việt Nam chưa cam kết nên khi Việt Nam yêu cầu tương trợ tư pháp có liên quan đến án tử hình thì gần như không có phản hồi.

+ *Về Tội tham ô tài sản (Điều 353), Tội nhận hối lộ*, việc bỏ hình phạt tử hình đối với tội này vì các lý do sau đây:

Thứ nhất, thực tiễn cho thấy, tội danh này đã được đa số các nước trên thế giới không quy định hình phạt tử hình hoặc đang có xu hướng bỏ hình phạt tử hình;

Thứ hai, nhiều nước trên thế giới đã yêu cầu Việt Nam phải cam kết không áp dụng hình phạt tử hình hoặc tuyên nhưng không thi hành án tử hình đối với những vụ án về tham nhũng, chức vụ, nhưng Việt Nam chưa cam kết nên khi Việt Nam yêu cầu tương trợ tư pháp có liên quan đến án tử hình thì gần như không có phản hồi.

Thứ ba, những tội này không phải là “tội ác”, không xâm phạm đến tính mạng con người, không xâm phạm trực tiếp đến chủ thể đặc biệt là an ninh quốc gia, do vậy, không cần thiết phải tước bỏ mạng sống của họ.

Thứ tư, để đảm bảo hiệu quả thu hồi tài sản, đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa; đồng thời khuyến khích người phạm tội hợp tác với cơ quan chức năng, Luật đã bổ sung quy định “*Người bị kết án tù chung thân về tội tham ô tài sản, tội*

³ Theo thống kê, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/5/2025, cả nước có khoảng hơn 2.000 vụ vận chuyển trái phép chất ma túy với khoảng gần hơn 5.000 bị can, bị cáo bị khởi tố, trong đó, số bị can, bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn khoảng hơn 1.500 người (chiếm khoảng 30% trên tổng số bị can, bị cáo bị khởi tố về tội này); số người bị kết án tử hình vì tội vận chuyển trái phép chất ma túy trên cả nước là gần 1.000 bị cáo, trong đó, số lượng người bị kết án tử hình là người đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn khoảng hơn 300 bị cáo (chiếm hơn 30% tổng số bị cáo bị tử hình về tội này)



nhận hối lộ chỉ có thể được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt khi đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và đã hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn”.

+ Về Tội phá hoại hòa bình, gây chiến tranh xâm lược, việc bỏ hình phạt tù hình đối với tội này vì các lý do sau đây:

Thứ nhất, nhằm quy định phù hợp với Quy chế Rome về Tòa án hình sự quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết, theo đó, mức hình phạt cao nhất đối với 04 tội ác quốc tế chỉ dừng lại ở mức tù chung thân hoặc phạt tù có thời hạn cao nhất là 30 năm tù;

Thứ hai, khả năng xảy ra tội phạm này ở Việt Nam rất thấp, xuất phát từ truyền thống tốt đẹp, xuất phát từ khả năng phòng ngừa của các cơ quan chức năng và xuất phát từ quan điểm đối ngoại xuyên suốt của Đảng ta đó là hòa bình, hợp tác, cùng phát triển, lấy đối thoại thay đối đầu. Thực tiễn chưa có tội phạm nào được thực hiện từ trước đến nay.

3. Nâng gấp 02 lần hình phạt tiền đối với 24 tội danh

Việc nâng mức hình phạt tập trung vào nhóm tội về hàng giả, môi trường, an toàn thực phẩm, tham nhũng, cụ thể tại các điều 192, 193, 194, 195, 235, 236, 237, 238, 239, 240, 241, 242, 243, 244, 245, 246, 317, 353, 354, 355, 356, 357, 358 và 359. Thực tiễn phòng ngừa và đấu tranh với các loại tội phạm hàng giả, môi trường, an toàn thực phẩm, tham nhũng cho thấy, đây là những loại tội phạm thu lợi nhuận bất chính rất lớn từ hành vi phạm tội, tuy nhiên, hiện nay, mức phạt tiền đối với tội này là tương đối thấp, chưa thực sự tương xứng với tính chất của tội phạm, chưa bảo đảm tính răn đe cần thiết, nhiều đối tượng sẵn sàng thực hiện hành vi phạm tội để thu được lợi nhuận, dẫn đến tình trạng “nhờn luật”. Do đó, Luật đã nâng gấp đôi mức hình phạt tiền đối với các tội này, việc nâng mức phạt tiền này phù hợp với đối tượng phạm tội và dựa trên tình hình phát triển kinh tế, xã hội, có tính đến các yếu tố biến động của giá cả, thu nhập bình quân đầu người (có tham chiếu mức lương cơ sở tăng 2,04 lần, thu nhập bình quân đầu người tăng 2,02 lần) tại thời điểm năm 2015 với thời điểm hiện tại.

4. Tăng mức phạt tù tại 08 điều luật trong Bộ luật Hình sự hiện hành

Luật đã nâng mức phạt tù ở nhóm tội về môi trường, ma túy, an toàn thực phẩm, cụ thể là: Các điều 235, 236, 248, 249, 250, 251, 255 và 317, cụ thể như sau:

- Tội gây ô nhiễm môi trường (Điều 235): Tăng mức hình phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm thành từ 02 năm đến 03 năm tại khoản 1; tăng mức hình phạt khởi điểm từ 01 năm thành 03 năm tại khoản 2; tăng mức hình phạt khởi điểm từ 03 năm thành 05 năm tại khoản 3;

- Tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại (Điều 236): Tăng mức hình phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm thành từ 02 năm đến 03 năm tại khoản 1; tăng mức hình phạt khởi điểm từ 02 năm thành 03 năm tại khoản 2.



- Tội sản xuất trái phép chất ma túy (Điều 248): Tăng mức khởi điểm hình phạt tù tại khoản 1 từ 02 năm thành 03 năm.

- Tội tàng trữ trái phép chất ma túy (Điều 249): Tăng mức khởi điểm hình phạt tù tại khoản 1 từ 01 năm thành 03 năm.

- Tội vận chuyển trái phép chất ma túy (Điều 250) Tăng mức khởi điểm hình phạt tù tại khoản 1 từ 02 năm thành 03 năm.

- Tội mua bán trái phép chất ma túy (Điều 251) Tăng mức khởi điểm hình phạt tù tại khoản 1 từ 02 năm thành 03 năm.

- Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 255): Tăng mức khởi điểm hình phạt tù tại khoản 1 từ 02 năm thành 03 năm.

- Tội vi phạm quy định về an toàn thực phẩm (Điều 317): Tăng mức khởi điểm hình phạt tù tại khoản 1 từ 01 năm thành 02 năm.

Căn cứ nâng mức phạt tù:

Thực tiễn cho thấy, thời gian gần đây, tội phạm về môi trường, ma túy, an toàn thực phẩm có nhiều diễn biến phức tạp, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, gây nhiều hệ lụy xấu về an ninh, trật tự, tác động trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng của người dân và ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế, ảnh hưởng đến chất lượng giống nòi, ảnh hưởng đến hình ảnh, uy tín của đất nước. Tuy nhiên, mức hình phạt khởi điểm của các tội này là tương đối thấp, cụ thể là: Tội gây ô nhiễm môi trường (Điều 235), Tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại (Điều 236) có mức phạt tù khởi điểm chỉ là 03 tháng; Tội tàng trữ trái phép chất ma túy (Điều 249) có mức phạt tù khởi điểm chỉ là 01 năm; Tội sản xuất trái phép chất ma túy (Điều 248), Tội vận chuyển trái phép chất ma túy (Điều 250), Tội mua bán trái phép chất ma túy (Điều 251), Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 255) có mức phạt tù khởi điểm chỉ là 02 năm; Tội vi phạm quy định về an toàn thực phẩm (Điều 317) có mức phạt tù khởi điểm chỉ là 01 năm không bảo đảm tính răn đe, phòng ngừa, nên cần thiết phải tăng mức hình phạt tù để xử lý nghiêm người phạm tội.

5. Hạ mức thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tại Điều 235 (Tội gây ô nhiễm môi trường)

Các mức thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn quốc gia được hạ lần lượt từ 10 lần xuống 05 lần; 05 lần xuống 03 lần; 03 lần xuống 02 lần.

Căn cứ hạ mức thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường

Thực tiễn đấu tranh với tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật về gây ô nhiễm môi trường thấy rằng, hiện nay, mức định lượng dùng làm căn cứ định khung hình phạt là mức thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn quốc gia quy định tại Điều này đang quá cao, dẫn đến rất khó áp dụng để xử lý hình sự, do đó, đa số các hành vi vi phạm mặc dù gây hậu quả rất nghiêm trọng nhưng chỉ bị xử lý hành chính, do đó, cần thiết phải hạ mức này xuống để đảm bảo tính răn đe,



phòng ngừa, góp phần tạo lập môi trường sinh thái an toàn, lành mạnh.

6. Bổ sung quy định trường hợp không thi hành án tử hình (Điều 40)

Tại Điều 40 của Bộ luật Hình sự, Luật đã bổ sung quy định về không thi hành án tử hình đối với người mắc bệnh ung thư giai đoạn cuối, vì: (1) bản thân người bị kết án đã không còn khả năng có thể gây nguy hiểm cho xã hội; (2) để đảm bảo tính nhân đạo; (3) để tránh lãng phí nguồn lực. Bên cạnh đó, Luật cũng đã bỏ quy định về không thi hành án tử hình đối với người bị kết án về tội tham ô tài sản, nhận hối lộ tại Điều 40 của Bộ luật Hình sự vì đã bỏ hình phạt tử hình đối với 02 tội danh nêu trên.

7. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 49

- Tại Điều 49 của Bộ luật Hình sự, Luật đã thay cụm từ “*cơ sở điều trị chuyên khoa*” bằng cụm từ “*cơ sở khám bệnh, chữa bệnh*”, để đảm bảo sự linh hoạt trong bố trí cơ sở khám, chữa bệnh cho người bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh, đồng thời, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; đồng thời, Luật cũng bổ sung quy định về “*Sau khi có kết luận khỏi bệnh hoặc có kết luận đủ khả năng nhận thức, đủ khả năng điều khiển hành vi, người đó có thể phải chịu trách nhiệm hình sự*” tại Điều 49 Bộ luật Hình sự để phù hợp với khả năng kết luận của các cơ sở y tế hiện nay, vì trong nhiều trường hợp, không thể kết luận là khỏi bệnh, đặc biệt là đối với các bệnh về tâm thần mà chỉ có thể kết luận có đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi. Đây là các đề xuất của Bộ Y tế nhằm giải quyết các vướng mắc trong việc áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

8. Bổ sung quy định về giảm mức hình phạt đã tuyên đối với người bị kết án tù chung thân về Tội tham ô tài sản và Tội nhận hối lộ (Điều 63)

Tại Điều 63 của Bộ luật Hình sự, Luật đã bổ sung quy định “*Người bị kết án tù chung thân về tội tham ô tài sản và tội nhận hối lộ chỉ có thể được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt khi đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và đã hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn*”. Mặc dù Luật đã bỏ hình phạt tử hình đối với Tội tham ô tài sản và Tội nhận hối lộ, tuy nhiên, đây vẫn là những tội phạm đặc biệt nguy hiểm đối với xã hội, gây bức xúc trong nhân dân, do đó, để đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa, cần thiết phải quy định điều kiện chặt chẽ để được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt. Người phạm tội nếu không đáp ứng được các điều kiện đó thì sẽ bị cách li khỏi xã hội vĩnh viễn. Việc bổ sung quy định này cũng nhằm bảo đảm người phạm tội tích cực khai báo trong quá trình giải quyết vụ án và bảo đảm thu hồi tài sản tham ô, nhận hối lộ mà có.

9. Bổ sung các chất ma túy Ketamine và Fentanyl trong cấu thành của một số tội phạm về ma túy

Bổ sung các chất ma túy Ketamine và Fentanyl trong cấu thành 05 tội phạm về ma túy gồm các điều 248, 249, 250, 251, 252. Về mặt thực tiễn, đây là các loại ma túy có tính chất, mức độ nguy hiểm tương đương với Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, DMA hoặc XLR-11, nên cần thiết phải được



quy định cùng đi kèm với các loại ma túy này trong cùng một khoản, tránh xử lý các hành vi liên quan đến Ketamine, Fentanyl tương đương với xử lý các hành vi liên quan đến các chất ma túy khác ở thể rắn (*có định lượng cấu thành tội phạm cao hơn*) làm giảm tính răn đe. Bên cạnh đó, hiện nay, các chất ma túy Ketamine, Fentanyl đã được quy định tại nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định danh mục các chất ma túy và tiền chất,

10. Tách khung hình phạt “*phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình*” thành 02 khung hình phạt “*20 năm hoặc chung thân*” và “*chung thân hoặc tử hình*” tại Tội sản xuất trái phép chất ma túy (Điều 248) và Tội mua bán trái phép chất ma túy (Điều 251) trên cơ sở thay đổi các mức định lượng để phù hợp với việc tách khung hình phạt. Thực tiễn cho thấy, đây là các tội có tỉ lệ người bị xử tử hình cao nhất trong các tội còn hình phạt tử hình của Bộ luật Hình sự. Do đó, cần phải bổ sung thêm 01 khoản tại các điều này để nói rộng khoảng cách giữa khung hình phạt tù chung thân và tử hình tại các điều luật, mức định lượng để định khung hình phạt tử hình sẽ được đẩy lên cao hơn, qua đó giảm thiểu việc áp dụng hình phạt tử hình trên thực tế.

11. Điều khoản thi hành

Thứ nhất, hướng dẫn về việc áp dụng pháp luật theo hướng có lợi cho người phạm tội:

- Theo điểm b Khoản 1 Điều 4, các quy định của Luật này nếu có lợi cho người phạm tội gồm: bỏ hình phạt tử hình ở 08 tội danh trong Bộ luật Hình sự; không thi hành án tử hình đối với người đang mắc bệnh ung thư giai đoạn cuối; nâng mức định lượng chất ma túy làm căn cứ để định khung hình phạt chung thân hoặc tử hình tại khoản 5 Điều 248 và khoản 5 Điều 251 và các tình tiết có lợi khác thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 7 năm 2025 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện hoặc đang bị điều tra, truy tố, xét xử;

- Theo điểm c khoản 1 Điều 4, các quy định của Luật này nếu không có lợi cho người phạm tội gồm: nâng mức phạt tù; nâng mức phạt tiền; hạ mức thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tại Điều 235 (Tội gây ô nhiễm môi trường); quy định về điều kiện để được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt đối với người bị kết án tù chung thân về Tội tham ô tài sản và Tội nhận hối lộ; bổ sung các chất ma túy Ketamine và Fentanyl trong cấu thành của 05 tội danh về ma túy và các tình tiết tăng nặng khác thì không áp dụng đối với những hành vi xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 7 năm 2025 mà sau thời điểm đó mới phát hiện hoặc đang bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc đối với người đang được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án tích; trong trường hợp này, áp dụng quy định tương ứng của các văn bản quy phạm pháp luật về hình sự có hiệu lực trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 7 năm 2025 để giải quyết, trừ trường hợp người phạm tội về các tội quy định tại Điều 353 (Tội tham ô tài sản) và Điều 354 (Tội nhận hối lộ) của Bộ luật Hình sự mà theo quy định của Luật này (*bỏ hình phạt tử hình đối với các tội này*) được chuyển thành tù chung thân thì vẫn áp dụng quy định về việc chỉ được xem xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt khi đáp ứng được các tiêu chí đã chủ



động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và đã hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn;

- Quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 quy định về việc áp dụng Luật này khi kháng nghị giám đốc thẩm, theo đó, đối với những hành vi phạm tội đã có bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 7 năm 2025 thì không căn cứ vào những quy định của Luật này có nội dung khác so với các điều luật đã được áp dụng khi tuyên án để kháng nghị giám đốc thẩm; trường hợp kháng nghị dựa vào căn cứ khác hoặc đã kháng nghị trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thì việc xét xử giám đốc thẩm được áp dụng quy định theo hướng có lợi cho người phạm tội như đã phân tích tại quy định về điểm b và điểm c khoản 1 Điều này.

Thứ hai, hướng dẫn xử lý tình huống phát sinh đối với người đã bị tuyên án tử hình trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 nhưng chưa thi hành:

- Khoản 2 Điều 4 quy định, hình phạt tử hình đã tuyên trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 đối với người phạm tội về các tội đã bỏ hình phạt tử hình quy định tại các điều 109, 110, 114, 194, 250, 353, 354 và 421 của Bộ luật Hình sự hoặc thuộc trường hợp không thi hành án tử hình vì bị ung thư giai đoạn cuối quy định tại điểm c khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Hình sự mà chưa thi hành án thì không thi hành và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân.

- Khoản 3 Điều 4 hướng dẫn xử lý trường hợp người bị kết án tử hình trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 về các tội: Tội sản xuất trái phép chất ma túy (Điều 248) và Tội mua bán trái phép chất ma túy (Điều 251) của Bộ luật Hình sự, nhưng theo quy định của Luật này, mức định lượng chất ma túy dùng để định khung hình phạt chung thân hoặc tử hình đã có sự thay đổi do Luật đã bổ sung thêm khoản 5 có khung hình phạt là chung thân hoặc tử hình với mức định lượng lớn hơn mức định lượng tại khoản 4 các điều này của Bộ luật Hình sự, trong trường hợp này giải quyết như sau:

+ Hình phạt tử hình đã tuyên trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 đối với người phạm tội sản xuất trái phép chất ma túy (Điều 248) và Tội mua bán trái phép chất ma túy (Điều 251) của Bộ luật Hình sự mà khối lượng, thể tích chất ma túy được xác định trong bản án để quyết định hình phạt tử hình đối với họ bằng hoặc thấp hơn khối lượng, thể tích chất ma túy thấp nhất quy định tại khoản 5 Điều 248 hoặc khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự mà chưa thi hành án thì không thi hành và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân;

+ Hình phạt tử hình đã tuyên trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 đối với người phạm tội sản xuất trái phép chất ma túy (Điều 248) và Tội mua bán trái phép chất ma túy (Điều 251) của Bộ luật Hình sự mà khối lượng, thể tích chất ma túy được xác định trong bản án để quyết định hình phạt tử hình đối với họ lớn hơn khối lượng, thể tích chất ma túy thấp nhất quy định tại khoản 5 Điều 248 hoặc khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18 Điều 1 của Luật nhưng người phạm tội không phải là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy hoặc không có 02 tình



tiết tăng nặng trở lên mà chưa thi hành án thì không thi hành và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân.

Ví dụ 1: Nguyễn Văn A bị Tòa án nhân dân tỉnh B tuyên tử hình về hành vi mua bán trái phép chất ma túy vào ngày 01/6/2025 và đến ngày 01/7/2025 vẫn chưa thi hành án; khối lượng chất ma túy dùng để quyết định hình phạt đối với Nguyễn Văn A là 03 kilôgam heroin, bằng với khối lượng chất ma túy thấp nhất quy định tại điểm b khoản 5 Điều 251 (03 kilôgam heroin), do đó, theo quy định của Luật này thì Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ra Quyết định chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân đối với Nguyễn Văn A.

Ví dụ 2: Nguyễn Văn B bị Tòa án nhân dân tỉnh C tuyên tử hình về hành vi mua bán trái phép chất ma túy vào ngày 01/6/2025 và đến ngày 01/7/2025 vẫn chưa thi hành án; khối lượng chất ma túy dùng để quyết định hình phạt đối với Nguyễn Văn B là 3,5 kilôgam heroin, lớn hơn khối lượng chất ma túy thấp nhất quy định tại điểm b khoản 5 Điều 251 (03 kilôgam heroin), tuy nhiên, trong vụ án này, Nguyễn Văn B phạm tội lần đầu, không có tình tiết tăng nặng, đồng thời, trong vụ án, Nguyễn Văn B không phải là người chủ mưu, cầm đầu, do đó, theo quy định của Luật này thì Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ra Quyết định chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân đối với Nguyễn Văn B.

Thứ ba, hướng dẫn xử lý tình huống phát sinh khi thi hành án tù chung thân đối với người phạm tội tham ô tài sản và tội nhận hối lộ

- Quy định tại khoản 4 Điều 4: Luật đã bỏ hình phạt tử hình đối với Tội tham ô tài sản (Điều 353) và Tội nhận hối lộ (Điều 354), tuy nhiên, để đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa đối với loại tội phạm này, đồng thời, đảm bảo hiệu quả thu hồi tài sản tham ô, nhận hối lộ, khoản 4 Điều 4 đã quy định theo hướng vẫn áp dụng quy định về việc sau khi được giảm án từ tử hình xuống tù chung thân, những người này chỉ có thể được giảm thời hạn chấp hành hình phạt khi đáp ứng được các tiêu chí: đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và đã hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn. Nếu không đáp ứng các tiêu chí này, người bị kết án tù chung thân về Tội tham ô tài sản và Tội nhận hối lộ sẽ chấp hành án phạt tù vĩnh viễn.

- Quy định tại khoản 5 Điều 4: Để đảm bảo sự công bằng, tránh gây bất lợi đối với người phạm tội tham ô tài sản, Tội nhận hối lộ, khoản 5 Điều 4 cũng quy định về việc hình phạt tù chung thân đã tuyên trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thì không cần phải có điều kiện “đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và đã hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn” khi xét giảm mức hình phạt đã tuyên đối với người phạm tội.

Thứ tư, về phân công trách nhiệm triển khai, thi hành Luật này được quy định như sau:

Xác định 02 nhiệm vụ quan trọng nhất phải thực hiện sau khi Luật được thông qua đó là: (1) rà soát người bị kết án tử hình thuộc diện được chuyển từ



hình phạt tử hình thành tù chung thân; (2) hoàn thiện hệ thống pháp luật có liên quan đến những quy định mới của Luật, khoản 6 Điều 4 đã giao Tòa án nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan có liên quan tổ chức việc rà soát người bị kết án tử hình thuộc diện được chuyển từ hình phạt tử hình thành tù chung thân để thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này; giao Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phối hợp tổ chức rà soát các văn bản có liên quan để kịp thời hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới hoặc đề nghị Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật cho phù hợp với quy định của Luật này.

Hiện nay, Tòa án nhân dân tối cao đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan rà soát người bị kết án tử hình thuộc diện được chuyển từ hình phạt tử hình thành tù chung thân để thực hiện theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự.

II. BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ (sửa đổi, bổ sung năm 2025)

Ngày 27/6/2025, tại kỳ họp thứ 9, khóa XV Quốc hội đã thông qua Luật số 99/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tổ tụng hình sự. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025, gồm các nội dung sửa đổi sau:

1. Về tổ chức và thẩm quyền của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân

- Sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến tinh gọn, sắp xếp lại bộ máy Cơ quan điều tra từ mô hình 03 cấp (cấp bộ, cấp tỉnh và cấp huyện) chuyển thành 02 cấp (cấp bộ và cấp tỉnh); bổ sung quy định⁴ Điều tra viên trung cấp, Điều tra viên cao cấp là Trưởng Công an cấp xã hoặc Phó trưởng Công an cấp xã được phân công tiến hành hoạt động khởi tố, điều tra vụ án về tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng xảy ra trên địa bàn cấp xã có một số nhiệm vụ, quyền hạn như Thủ trưởng Cơ quan điều tra trừ quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ, biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

- Mở rộng thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, cụ thể: Chỉ huy trưởng Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Bộ đội biên phòng; Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực; Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm vùng; Đoàn trưởng, Phó Đoàn trưởng Đoàn trình sát; Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định⁵ liên quan đến tinh gọn, sắp xếp lại bộ máy Viện kiểm sát nhân dân từ mô hình 04 cấp (tối cao, cấp cao, cấp tỉnh, cấp huyện) thành 03 cấp (tối cao, cấp tỉnh và khu vực), điều chỉnh nhiệm vụ, thẩm quyền của Viện kiểm sát các cấp để phù hợp với mô hình của Cơ quan điều tra và Tòa án.

⁴ Tại Điều 37 Bộ luật Tổ tụng hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025)

⁵ Tại các điều 4, 20, 110, 113, 172, 173, 239, 341, 400, 476, 487, 503 của Bộ luật Tổ tụng hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025)



- Bổ sung thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh.

2. Về thẩm quyền xét xử sơ thẩm của Tòa án

Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) sửa đổi, bổ sung thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án hình sự như sau:

- Tòa án nhân dân khu vực xét xử sơ thẩm⁶ những vụ án hình sự về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật Hình sự quy định đến 20 năm tù.

- Tòa án nhân dân cấp tỉnh xét xử sơ thẩm⁷ những vụ án: (1) Vụ án hình sự về các tội phạm không thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực; (2) Vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân khu vực nhưng có nhiều tình tiết phức tạp, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, dư luận xã hội đặc biệt quan tâm; vụ án mà khi xử lý có ảnh hưởng đến chính trị, đối ngoại; vụ án mà người phạm tội là cán bộ lãnh đạo chủ chốt từ cấp tỉnh trở lên, người có chức sắc trong tôn giáo hoặc có uy tín cao trong dân tộc thiểu số.

- Thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự được giữ nguyên.

3. Về điều tra, truy tố, xét xử vắng mặt bị can, bị cáo

Sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến điều tra, truy tố, xét xử vắng mặt theo hướng Cơ quan điều tra có thể kết luận điều tra đề nghị truy tố bị can, Viện kiểm sát có thể quyết định truy tố bị can, Tòa án có thể xét xử vắng mặt bị cáo khi đã có đủ căn cứ và bảo đảm quyền bào chữa cho bị can, bị cáo theo quy định trong các trường hợp sau: (1) Bị can, bị cáo bỏ trốn, không biết bị can, bị cáo ở đâu và việc truy nã không có kết quả; (2) Bị can, bị cáo đang ở nước ngoài mà không thể triệu tập để phục vụ các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử.

Ngày 01/7/2025, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Thông tư liên tịch số 05/2025/TTLT-BCA-BQP-VKSNDTC-TANDTC quy định về phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử vắng mặt bị can, bị cáo.

4. Về thủ tục xem xét bản án tử hình trước khi thi hành

Sửa đổi Điều 367 của Bộ luật Tố tụng hình sự về thủ tục xem xét bản án tử hình trước khi thi hành theo hướng trường hợp Chủ tịch nước không quyết định ân giảm thì hết thời hạn 01 năm kể từ ngày nhận được ý kiến của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao thì cơ quan có thẩm quyền thông báo ngay về việc không có quyết định ân giảm của Chủ tịch nước để Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm tổ chức việc thi hành bản án tử hình theo quy định.

5. Một số quy định khác

⁶ Khoản 1 Điều 268 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2025

⁷ Khoản 2 Điều 268 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2025



- Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) điều chỉnh thẩm quyền từ Tòa án nhân dân cấp tỉnh về Tòa án nhân dân khu vực đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án có yếu tố nước ngoài (khoản 2 Điều 268); thẩm quyền theo lãnh thổ đối với vụ án mà bị cáo phạm tội ở nước ngoài (khoản 2 Điều 269); tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù và áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh (Điều 452); xem xét yêu cầu thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài đối với công dân Việt Nam bị từ chối dẫn độ (Điều 501); bổ sung thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm của Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh (khoản 3 Điều 373),...

- Sửa đổi, bổ sung các quy định khác có liên quan (quan hệ phối hợp, giao, gửi quyết định, kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện, không tổ chức Nhà tạm giữ, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, đổi tên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước...) tại các điều 71, 75, 76, 111, 113, 114, 119, 120, 121 và 122 của Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về chi phí tố tụng và việc miễn, giảm chi phí tố tụng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong tố tụng; cơ chế ủy quyền trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

III. VỀ LUẬT THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ, LUẬT ĐẶC XÁ, LUẬT PHÒNG, CHỐNG MUA BÁN NGƯỜI

Ngày 25/6/2025, tại Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật số 86/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự, trong đó có sửa một số quy định tại Luật Thi hành án hình sự, Luật đặc xá, Luật mua bán người. Luật này có hiệu lực từ ngày 01/7/2025. Các Luật này có một số nội dung sửa đổi, bổ sung cụ thể như sau:

1. Đối với Luật Thi hành án hình sự

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 86/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Thi hành án hình sự, cụ thể như sau:

1.1. Bãi bỏ quy định về bản sao Quyết định của Chủ tịch nước bác đơn xin ân giảm hình phạt tử hình (nếu có) trong thành phần Hồ sơ thi hành án tử hình tại điểm d khoản 1 Điều 80 và thay thế “Quyết định của Chủ tịch nước bác đơn xin ân giảm hình phạt tử hình” thành “văn bản thông báo của cơ quan có thẩm quyền về việc không có quyết định ân giảm hình phạt tử hình” tại điểm c khoản 4 Điều 82 nhằm quán triệt ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị về hoàn thiện pháp luật hình sự, tố tụng hình sự liên quan đến hình phạt tử hình, thi hành án tử hình (theo thông báo tại Công văn số 13936-CV/VPTW ngày 25/3/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng) và thống nhất với quy định liên quan được sửa đổi trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1.2. Các nội dung sửa đổi, bổ sung khác trong Luật này nhằm bảo đảm phù hợp, thống nhất với cơ cấu, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, được quy định tại các văn bản luật khác như: Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi); Luật sửa đổi,



bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân:

1.3. Sửa đổi một số quy định theo hướng tăng thẩm quyền cho Tòa án nhân dân khu vực để phù hợp với tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân sau khi sắp xếp, tinh gọn theo chủ trương của Đảng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân. Theo đó, Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền: (1) Xem xét, quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù; (2) Quyết định trưng cầu giám định pháp y, pháp y tâm thần đối với phạm nhân; (3) Quyết định áp dụng biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh đối với người đang chấp hành án phạt tù.

2. Đối với Luật Đặc xá

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 86/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Đặc xá, cụ thể như sau:

2.1. Sửa đổi bổ sung quy định về điều kiện xếp loại chấp hành án phạt tù của người được đề nghị đặc xá theo hướng giao Chủ tịch nước quyết định cụ thể số kỳ được xếp loại chấp hành án phạt tù khá hoặc tốt trong mỗi lần đặc xá tại điểm a khoản 1 Điều 11. Việc sửa đổi, bổ sung này nhằm thể chế hóa quyền Hiến định của Chủ tịch nước và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

2.2. Các nội dung sửa đổi, bổ sung khác trong Luật này nhằm bảo đảm phù hợp, thống nhất với cơ cấu, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, được quy định tại các văn bản luật khác như: Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân; Luật Thi hành án hình sự; phù hợp với mô hình tổ chức mới của Công an nhân dân khi không tổ chức Công an cấp huyện.

3. Đối với Luật Phòng, chống mua bán người

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 86/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Phòng, chống mua bán người, cụ thể như sau:

Các nội dung sửa đổi, bổ sung trong Luật này nhằm bảo đảm phù hợp, thống nhất với cơ cấu, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, được quy định tại các văn bản luật khác như: Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi); Luật Tổ chức Chính phủ; phù hợp với mô hình tổ chức mới của Công an nhân dân khi không tổ chức Công an cấp huyện.

IV. LUẬT TƯ PHÁP NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN

1. Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024



Luật Tư pháp người chưa thành niên (sau đây gọi là Luật TPNCTN) đã được Quốc hội Khóa XV, tại Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 30/11/2024, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026. Nội dung cơ bản của Luật đã được thể hiện tại tài liệu Hội nghị tập huấn Luật Tư pháp người chưa thành niên (Tháng 3/2025), cụ thể:

1.1. Về những quy định chung (Phần thứ nhất)

1.1.1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Luật Tư pháp người chưa thành niên quy định về: (1) Xử lý chuyển hướng, hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội; (2) Thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại, người làm chứng; (3) Thi hành án phạt tù, tái hòa nhập cộng đồng đối với người chưa thành niên; (4) Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân, gia đình trong hoạt động tư pháp người chưa thành niên.

1.1.2. Áp dụng Luật Tư pháp người chưa thành niên và các luật có liên quan (Điều 2)

Điều 2 Luật Tư pháp người chưa thành niên quy định: việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, giải quyết vụ án hình sự, xử lý chuyển hướng, thi hành án phạt tù, tái hòa nhập cộng đồng đối với người chưa thành niên được áp dụng theo quy định của Luật này và theo quy định của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Thi hành án hình sự, luật khác không trái với quy định của Luật này.

1.1.3. Các nguyên tắc cơ bản

Luật Tư pháp người chưa thành niên quy định 16 nguyên tắc nhân văn, tiến bộ và đặc thù để bảo vệ người chưa thành niên trong tư pháp hình sự, gồm: (1) Bảo đảm lợi ích tốt nhất; (2) Bảo đảm thủ tục tố tụng thân thiện; (3) Đối xử bình đẳng; (4) Quyền được thông tin đầy đủ, kịp thời; (5) Bảo đảm quyền có người đại diện; (6) Giải quyết nhanh chóng, kịp thời; (7) Ưu tiên áp dụng xử lý chuyển hướng; (8) Áp dụng hình phạt; (9) Bảo đảm giữ bí mật cá nhân; (10) Quyền bào chữa, quyền được trợ giúp pháp lý, phiên dịch; (11) Hạn chế tối đa việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; (12) Chuyên môn hóa trong hoạt động tư pháp người chưa thành niên; (13) Bảo đảm và tôn trọng quyền tham gia, trình bày ý kiến; (14) Bảo đảm hiệu lực của quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng; (15) Bảo đảm việc thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng và thi hành án phạt tù phù hợp; (16) Bảo đảm việc tái hòa nhập cộng đồng.

1.1.4. Quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động tư pháp người chưa thành niên (Chương II)

- Quy định về quyền và nghĩa vụ của người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người



bị buộc tội, bị hại, người làm chứng, người chấp hành biện pháp xử lý chuyên hướng, người chưa thành niên là phạm nhân.

- Quy định về Hội đồng quốc gia về tư pháp người chưa thành niên và cơ quan thường trực của Hội đồng quốc gia về tư pháp người chưa thành niên, cụ thể như sau:

+ Hội đồng quốc gia về tư pháp người chưa thành niên do Thủ tướng Chính phủ thành lập. Thành viên Hội đồng quốc gia về tư pháp người chưa thành niên do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề nghị của cơ quan thường trực của Hội đồng. Hội đồng quốc gia về tư pháp người chưa thành niên có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Chỉ đạo, đôn đốc các bộ, ngành để giải quyết các vấn đề về tư pháp người chưa thành niên; b) Đề xuất phương hướng, giải pháp để thực hiện các vấn đề liên quan đến tư pháp người chưa thành niên; c) Phối hợp với các cơ quan của Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong việc thực hiện hoạt động tư pháp người chưa thành niên; d) Chỉ đạo, đôn đốc các bộ, ngành báo cáo Quốc hội về kết quả thực hiện nhiệm vụ liên quan đến tư pháp người chưa thành niên trong báo cáo công tác hằng năm; đ) Chỉ đạo, đôn đốc hoạt động công tác xã hội về tư pháp người chưa thành niên; chỉ đạo tổ chức việc công bố danh sách người làm công tác xã hội trong hoạt động tư pháp người chưa thành niên, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho người làm công tác xã hội trong hoạt động tư pháp người chưa thành niên; e) Chỉ đạo công tác thống kê, thông tin, báo cáo về hoạt động tư pháp người chưa thành niên; g) Thực hiện nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ và cơ quan có thẩm quyền.

+ Cơ quan thường trực của Hội đồng quốc gia về tư pháp người chưa thành niên là Bộ Công an. Cơ quan thường trực có các nhiệm vụ, quyền hạn: a) Giúp Hội đồng quốc gia về tư pháp người chưa thành niên tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng; b) Định kỳ hằng năm báo cáo Chính phủ về hoạt động của Hội đồng; c) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Quy định về trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận; gia đình, người làm công tác xã hội và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác trong hoạt động tư pháp người chưa thành niên.

1.2. Về xử lý chuyên hướng đối với người chưa thành niên phạm tội (Phần thứ hai Luật)

1.2.1. Quy định mục đích, nguyên tắc áp dụng biện pháp xử lý chuyên hướng



- Mục đích áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng:

+ Xử lý kịp thời và hiệu quả đối với người chưa thành niên.

+ Giúp người chưa thành niên thay đổi nhận thức, nhận biết, sửa chữa sai lầm đã gây ra, tự rèn luyện khắc phục, ngăn ngừa nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội và giáo dục họ trở thành công dân có ích cho xã hội.

+ Đẩy mạnh việc hòa giải giữa người chưa thành niên và bị hại bị ảnh hưởng bởi hành vi phạm tội của người chưa thành niên.

+ Nâng cao trách nhiệm của gia đình và cộng đồng tham gia trực tiếp vào hoạt động xử lý chuyển hướng.

+ Hạn chế tác động tiêu cực của thủ tục tố tụng hình sự đối với người chưa thành niên.

+ Ngăn ngừa người chưa thành niên phạm tội mới, tạo điều kiện tái hòa nhập cộng đồng.

- Nguyên tắc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng:

+ Việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng phải căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; khả năng giáo dục, phục hồi của người chưa thành niên phạm tội và sự an toàn của bị hại, cộng đồng.

+ Việc lựa chọn biện pháp xử lý chuyển hướng áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội phải phù hợp với hoàn cảnh, độ tuổi, đặc điểm tâm sinh lý của họ.

+ Người chưa thành niên phạm tội có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng. Biện pháp xử lý chuyển hướng quy định tại các khoản 6, 7, 8, 9, 10 và 11 Điều 36 của Luật Tư pháp người chưa thành niên phải áp dụng đồng thời với một hoặc nhiều biện pháp xử lý chuyển hướng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 36 của Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Trường hợp người chưa thành niên phạm tội bị áp dụng nhiều biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng khác nhau nhưng cùng phải thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 2 Điều 23 của Luật Tư pháp người chưa thành niên thì thời gian thực hiện nghĩa vụ không vượt quá mức thời hạn cao nhất quy định đối với biện pháp được áp dụng.

+ Không áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng đồng thời với các biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng.

+ Không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng nếu tại thời điểm xem xét người phạm tội đã đủ 18 tuổi.

1.2.2. Bổ sung nhiều biện pháp xử lý chuyển hướng mới, phù hợp với



người chưa thành niên (Điều 36)

Quy định quy định 12 biện pháp xử lý chuyển hướng, gồm: (1) Khiển trách. (2) Xin lỗi bị hại. (3) Bồi thường thiệt hại. (4) Giáo dục tại xã, phường, đặc khu. (5) Quản thúc tại gia đình. (6) Hạn chế khung giờ đi lại. (7) Cấm tiếp xúc với người có nguy cơ dẫn đến người chưa thành niên phạm tội mới. (8) Cấm đến địa điểm có nguy cơ dẫn đến người chưa thành niên phạm tội mới. (9) Tham gia chương trình học tập, dạy nghề. (10) Tham gia điều trị hoặc tư vấn tâm lý. (11) Thực hiện công việc phục vụ cộng đồng. (12) Giáo dục tại trường giáo dưỡng.

1.2.3. Quy định chặt chẽ căn cứ áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

Quy định người chưa thành niên thuộc một trong các trường hợp tại Điều 37 thì có thể được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng khi có đủ các điều kiện sau đây: (1) Có chứng cứ xác định người chưa thành niên đã thực hiện hành vi phạm tội; (2) Người chưa thành niên thừa nhận mình đã thực hiện hành vi phạm tội; (3) Người chưa thành niên đồng ý bằng văn bản về việc xử lý chuyển hướng.

Bên cạnh đó, Luật còn quy định các trường hợp không được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại Điều 38, gồm:

(1) Người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thuộc một trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 37 của Luật Tư pháp người chưa thành niên: a) Phạm tội rất nghiêm trọng về một trong các tội phạm sau đây: Tội giết người, Tội hiếp dâm, Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi, Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, Tội sản xuất trái phép chất ma túy; b) Phạm tội rất nghiêm trọng 02 lần trở lên hoặc phạm nhiều tội rất nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật Hình sự; c) Phạm tội đặc biệt nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật Hình sự;

(2) Người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi thuộc một trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 37 của Luật Tư pháp người chưa thành niên: a) Phạm tội nghiêm trọng về một trong các tội phạm sau đây: Tội hiếp dâm, Tội sản xuất trái phép chất ma túy, Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, Tội mua bán trái phép chất ma túy, Tội vận chuyển trái phép chất ma túy, Tội chiếm đoạt chất ma túy; b) Tái phạm, tái phạm nguy hiểm; c) Phạm tội nghiêm trọng do cố ý 02 lần trở lên hoặc phạm nhiều tội nghiêm trọng do cố ý theo quy định của Bộ luật Hình sự; d) Phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật Hình sự;

(3) Người chưa thành niên đã được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng mà phạm tội mới.

1.2.4. Quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý chuyển hướng theo



hướng nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả (chương IV)

- Thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng: cả 03 cơ quan tiến hành tố tụng đều có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

+ Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng, trừ trường hợp vụ án có yêu cầu giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại hoặc phải giải quyết vấn đề tịch thu tài sản.

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử có thẩm quyền áp dụng tất cả các biện pháp xử lý chuyển hướng.

Bên cạnh đó, Tòa án có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng nếu vụ án có yêu cầu về bồi thường thiệt hại hoặc phải tịch thu tài sản theo đề nghị của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát.

- Trình tự, thủ tục xử lý chuyển hướng

Luật quy định 02 thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng gồm: (1) Thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng (mục 2 chương IV) và (2) Thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng (mục 3 chương IV). Cụ thể:

+ Ngay sau khi khởi tố bị can là người chưa thành niên, Cơ quan điều tra phải có văn bản yêu cầu người làm công tác xã hội tham gia tố tụng và xây dựng báo điều tra xã hội về người chưa thành niên (Điều 53);

+ Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Cơ quan điều tra nhận được báo cáo điều tra xã hội; trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày Viện kiểm sát nhận được hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra đề nghị truy tố, Tòa án nhận được hồ sơ vụ án và bản cáo trạng thì Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát hoặc Thẩm phán phải căn cứ vào quy định tại các điều 35, 37, 38 và 39 của Luật Tư pháp người chưa thành niên để ra thông báo áp dụng hoặc không áp dụng thủ tục xử lý chuyển hướng (Điều 55).

Nếu xét thấy người chưa thành niên thuộc trường hợp được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có văn bản yêu cầu người làm công tác xã hội xây dựng kế hoạch xử lý chuyển hướng.

Nếu xét thấy người chưa thành niên thuộc trường hợp được áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có văn bản, kèm theo hồ sơ vụ án đề nghị Tòa án xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

Trường hợp tự xét thấy người chưa thành niên thuộc trường hợp áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng thì Tòa án xem xét, quyết định áp dụng



biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng;

+ Trong quá trình áp dụng thủ tục xử lý chuyển hướng, nếu vụ án có yêu cầu về bồi thường thiệt hại hoặc phải giải quyết vấn đề tịch thu tài sản thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có văn bản, kèm theo hồ sơ vụ án đề nghị Tòa án xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng và giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại hoặc tịch thu tài sản;

+ Việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng phải được thực hiện thông qua phiên họp để bảo đảm chặt chẽ, hiệu quả.

- Quy định về việc khiếu nại, kiến nghị và giải quyết khiếu nại, kiến nghị đối với quyết định áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng (mục 4 chương IV).

1.2.5. Quy định thủ tục thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng (chương V)

- Quy định 02 thủ tục thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, gồm:

(1) Thủ tục thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng;

+ Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng cư trú có trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng; phân công người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày phân công người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã triệu tập người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng; mời người đại diện của người đó, người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, Công an cấp xã và đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để thông báo về việc thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định phân công, người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng xây dựng dự thảo kế hoạch thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được dự thảo kế hoạch thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt kế hoạch.

(2) Thủ tục thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng.



+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh nơi người chưa thành niên cư trú phải báo cáo cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an để ra quyết định đưa người chưa thành niên vào trường giáo dưỡng.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an ra quyết định đưa người chưa thành niên vào trường giáo dưỡng và gửi cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phải lập hồ sơ và bàn giao người chưa thành niên vào trường giáo dưỡng.

+ Khi tiếp nhận học sinh, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng phải kiểm tra hồ sơ và lập biên bản giao nhận, tổ chức khám sức khỏe cho học sinh. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận học sinh, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng phải thông báo việc đã tiếp nhận học sinh cho người đại diện của người đó.

- Quy định về việc chấm dứt trước thời hạn việc chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng trong trường hợp người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng đã chấp hành được một phần hai thời hạn áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng và có nhiều tiến bộ nhằm khích lệ họ tích cực rèn luyện bản thân và nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

- Để bảo đảm nghiêm minh, cũng như nâng cao hiệu quả giáo dục người chưa thành niên, Luật quy định chế tài xử lý vi phạm nghĩa vụ trong quá trình chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng, cụ thể như sau: Người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng mà cố ý vi phạm nghĩa vụ 01 lần trong thời gian thực hiện nghĩa vụ thì có thể bị gia hạn thời hạn thực hiện nghĩa vụ; Người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng mà cố ý vi phạm nghĩa vụ 01 lần trong thời gian gia hạn thực hiện nghĩa vụ hoặc cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên trong thời gian thực hiện nghĩa vụ thì có thể bị thay đổi từ biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng sang biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

1.3. Về hình phạt (chương VI Phần thứ ba)

Luật Tư pháp người chưa thành niên đã cải cách chính sách hình phạt áp dụng đối với người chưa thành niên theo hướng nhân văn, tiến bộ hơn, cụ thể như sau:

- Giữ nguyên hệ thống hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội như Bộ luật Hình sự hiện hành gồm: cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ và tù có thời hạn. Không áp dụng hình phạt tù chung thân và tử hình đối với người



- Bổ sung điều luật về hình phạt cảnh cáo đối với người chưa thành niên khi phạm tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng do vô ý và có tình tiết giảm nhẹ, nhưng chưa đến mức miễn hình phạt.

- Mở rộng đối tượng người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, nếu có tài sản riêng cũng có thể áp dụng hình phạt tiền và mức tiền phạt không quá một phần ba mức tiền phạt mà điều luật quy định.

- Giảm mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi từ 18 năm xuống 15 năm tù, người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội từ 12 năm xuống 09 năm tù, trừ trường hợp phạm 05⁸ loại tội xâm phạm tính mạng sức khỏe và ma túy thì mức hình phạt theo quy định của pháp luật hiện hành để đề cao tính nhân văn nhưng vẫn bảo đảm nghiêm minh của chính sách hình phạt đối với người chưa thành niên.

- Giảm thời gian thử thách khi được hưởng án treo xuống không quá 03 năm; giảm thời hạn được xóa án tích đối với người chưa thành niên so với quy định của Bộ luật Hình sự.

1.4. Về thủ tục tố tụng thân thiện (chương VII và chương VIII Phần thứ ba)

1.4.1. Xây dựng thủ tục tố tụng riêng biệt phù hợp với người chưa thành niên

Luật Tư pháp người chưa thành niên quy định 02 thủ tục tố tụng riêng biệt đối với người chưa thành niên: (1) Thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội; (2) Thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng.

1.4.2. Quy định các biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế đối với người chưa thành niên bị buộc tội (mục II chương VII)

Luật Tư pháp người chưa thành niên quy định 10 biện pháp ngăn chặn gồm: giữ người trong trường hợp khẩn cấp; bắt người theo các trường hợp quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự; tạm giữ; tạm giam; giám sát điện tử; giám sát tại nhà; bảo lãnh; đặt tiền để bảo đảm; cấm đi khỏi nơi cư trú; tạm hoãn xuất cảnh. Quy định 03 biện pháp cưỡng chế gồm: áp giải, dẫn giải; kê biên tài sản; phong tỏa tài khoản.

Trong đó, 02 biện pháp ngăn chặn mới là giám sát điện tử và giám sát tại nhà. Thu hẹp các trường hợp người chưa thành niên bị áp dụng biện pháp tạm giam và quy định rõ ràng, cụ thể căn cứ áp dụng biện pháp tạm giam, theo đó, người chưa thành niên chỉ bị áp dụng biện pháp tạm giam trong trường hợp thật

⁸ (1) Tội giết người; (2) Tội hiếp dâm; (3) Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi; (4) Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi; (5) Tội sản xuất trái phép chất ma túy



cần thiết và khi các biện pháp ngăn chặn khác không hiệu quả.

1.4.3. Quy định về tổ tụng thân thiện trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố

- Mọi hoạt động tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra vụ án có người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội phải được tiến hành trong môi trường thuận lợi cho việc bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, bí mật cá nhân, danh dự, nhân phẩm, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của họ.

- Trong vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên và người thành niên thì Cơ quan điều tra tách vụ án hình sự để giải quyết vụ án độc lập đối với bị can là người chưa thành niên.

- Thời hạn điều tra, thời hạn quyết định việc truy tố, thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm đối với vụ án có người chưa thành niên là người bị buộc tội không quá một phần hai thời hạn tương ứng được quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Người chưa thành niên phải có người bảo chữa trong mọi trường hợp, kể cả trường hợp họ từ chối người bảo chữa.

- Việc lấy lời khai, khám xét người, đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói người chưa thành niên phải bảo đảm thân thiện, phù hợp với tâm lý, lứa tuổi và phải có sự tham gia của người đại diện, người bảo chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.

- Các thông tin có liên quan đến hành vi phạm tội của người chưa thành niên phải được giữ kín, không cung cấp công khai.

- Thủ tục tố tụng được tiến hành bởi Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán đã được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng giải quyết các vụ án liên quan đến người chưa thành niên; có kinh nghiệm điều tra, truy tố, xét xử các vụ án liên quan đến người chưa thành niên hoặc đã được đào tạo, bồi dưỡng về tâm lý học và khoa học giáo dục người chưa thành niên.

1.4.4. Quy định về thủ tục xét xử thân thiện (mục IV chương VII)

- Việc xét xử vụ án hình sự có người chưa thành niên là người bị buộc tội do Tòa gia đình và người chưa thành niên giải quyết. Đối với Tòa án chưa tổ chức Tòa gia đình và người chưa thành niên thì việc xét xử vụ án hình sự có người chưa thành niên là người bị buộc tội do Thẩm phán quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật Tư pháp người chưa thành niên thực hiện.

- Vụ án hình sự về người chưa thành niên được xét xử trong phòng xử án thân thiện.

- Phiên tòa phải được tổ chức xét xử thân thiện: Thẩm phán Chủ tọa phiên



tòa mặc trang phục hành chính của Tòa án; Kiểm sát viên mặc trang phục phù hợp, không mặc trang phục Kiểm sát nhân dân. Khi xét xử không còng tay hoặc áp dụng các biện pháp mang tính cưỡng chế khác, trừ trường hợp người chưa thành niên có biểu hiện chống đối, gây mất trật tự tại phiên tòa hoặc hành động tiêu cực khác; Việc xét hỏi, tranh luận đối với người chưa thành niên tại phiên tòa được tiến hành phù hợp với lứa tuổi, giới tính, khả năng nhận thức và mức độ trưởng thành của họ. Câu hỏi cần ngắn gọn, đơn giản, dễ hiểu, không hỏi nhiều vấn đề cùng một lúc...

- Trong trường hợp đặc biệt cần bảo vệ người chưa thành niên, Tòa án có thể xét xử kín nhưng phải tuyên công khai phần quyết định của bản án. Khi tuyên án, Hội đồng xét xử đọc phần quyết định trong bản án.

1.4.5. Quy định thủ tục tố tụng thân thiện đối với người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng (Chương VIII)

Luật Tư pháp người chưa thành niên quy định: Việc tiến hành tố tụng đối với người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng phải được tiến hành trong môi trường thuận lợi cho việc bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, bí mật cá nhân, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của họ. Hạn chế đến mức thấp nhất số lần tiếp xúc giữa người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng với người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị buộc tội và không áp dụng biện pháp dẫn giải đối với người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng; việc lấy lời khai, đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, thực nghiệm điều tra phải có mặt của người đại diện hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; việc xem xét dấu vết trên thân thể của người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng phải có sự tham gia của người đại diện của họ; Người chưa thành niên là bị hại có hoàn cảnh khó khăn được hỗ trợ từ nguồn kinh phí của Quỹ Bảo trợ trẻ em...

1.5. Về thi hành án phạt tù và tái hòa nhập cộng đồng (Phần thứ tư)

1.5.1. Về thi hành án phạt tù (Chương IX)

- Quy định người chưa thành niên thi hành án phạt tù tại trại giam riêng, phân trại hoặc khu giam giữ dành riêng cho người chưa thành niên là phạm nhân để có môi trường giáo dục, phục hồi tốt nhất.

- Cán bộ trại giam phải là người đã được đào tạo hoặc bồi dưỡng về tâm lý học, khoa học giáo dục người chưa thành niên hoặc đã từng tham gia giải quyết các vụ việc liên quan đến người chưa thành niên.

- Bổ sung trường hợp được hoãn chấp hành hình phạt tù đối với người chưa thành niên bị xử phạt tù đã đăng ký và đủ điều kiện tham gia hoặc đang tham gia kỳ thi tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông, thi tốt nghiệp trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, được cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nơi



người đó học tập xác nhận thì có thể được hoãn cho đến khi thực hiện xong kỳ thi.

- Quy định mở rộng phạm vi được tha tù trước thời hạn. Ngay sau khi người chưa thành niên có đủ các điều kiện được xét tha tù trước hạn có điều kiện thì phải lập hồ sơ đề nghị mà không cần căn cứ theo đợt như Luật Thi hành án hình sự.

- Người chưa thành niên là phạm nhân chấp hành án phạt tù tốt, có tiến bộ thì được khen thưởng, nếu vi phạm thì bị kỷ luật.

1.5.2. Về tái hòa nhập cộng đồng (chương X)

- Nghiêm cấm kỳ thị, phân biệt đối xử đối với người chưa thành niên chấp hành xong biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, chấp hành xong án phạt tù. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân không được phân biệt đối xử, kỳ thị khi tuyển dụng, sử dụng người lao động là người chưa thành niên từ đủ 15 tuổi trở lên vì lý do trước đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, đã bị kết án phạt tù.

- Quy định các nội dung hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng đối với người chưa thành niên trong và sau khi chấp hành xong biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, chấp hành xong án phạt tù, gồm: a) Chỉ định người giúp đỡ người chưa thành niên tái hòa nhập cộng đồng từ những người sau đây: người làm công tác xã hội, công tác viên công tác xã hội cấp xã, đại diện Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoặc người có uy tín trong cộng đồng dân cư có điều kiện, khả năng và kinh nghiệm trong giáo dục, giúp đỡ người chưa thành niên; b) Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện và vận động nhân dân trong khu vực dân cư phối hợp chặt chẽ với gia đình trong việc giúp đỡ người chưa thành niên tái hòa nhập cộng đồng; c) Trợ giúp về tâm lý, hỗ trợ thủ tục pháp lý cần thiết cho người chưa thành niên; d) Tạo điều kiện thuận lợi để người chưa thành niên tham gia các chương trình học tập, lao động, hướng nghiệp, học nghề, phát triển kỹ năng sống; đ) Tuyên truyền, vận động nhân dân và thực hiện các biện pháp khác để xóa bỏ định kiến, kỳ thị, phân biệt đối xử đối với người chưa thành niên; e) Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, cá nhân tiếp nhận, giúp đỡ về học tập, lao động, hướng nghiệp, dạy nghề, tìm kiếm việc làm cho người chưa thành niên.

- Khi người chưa thành niên tái hòa nhập cộng đồng thì được Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định người giúp đỡ người chưa thành niên tái hòa nhập cộng đồng.

1.6. Về điều khoản thi hành (Phần thứ năm)

- Quy định việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số chương, điều của luật có



liên quan như Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Hình sự, Luật Thi hành án hình sự, Luật Thi hành án dân sự, Luật Trẻ em, Luật Trợ giúp pháp lý và Luật Cư trú.

- Luật Tư pháp người chưa thành niên có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, trừ các quy định tại Điều 139, khoản 1 và khoản 2 Điều 162 của Luật Tư pháp người chưa thành niên có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2028.

- Quy định chuyển tiếp:

+ Các điều khoản của Luật Tư pháp người chưa thành niên quy định về hình phạt cảnh cáo, phạt tiền, tù có thời hạn, quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt, giảm mức hình phạt đã tuyên, án treo, hoãn chấp hành hình phạt tù, tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích và các quy định khác có lợi cho người phạm tội quy định tại chương VI của Luật Tư pháp người chưa thành niên được áp dụng kể từ ngày Luật được công bố.

+ Trường hợp người phạm tội đã bị kết án phạt tù trước ngày Luật Tư pháp người chưa thành niên được công bố theo đúng các văn bản trước đây và bản án đã có hiệu lực pháp luật nếu người phạm tội từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có mức hình phạt tù cao hơn 09 năm và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 119, Điều 121 và Điều 122 của Luật Tư pháp người chưa thành niên hoặc người phạm tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có mức hình phạt tù cao hơn 15 năm và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 119, Điều 121 và Điều 122 của Luật Tư pháp người chưa thành niên thì kể từ ngày Luật này được công bố giải quyết như sau: a) Trường hợp họ đã chấp hành bằng hoặc quá mức hình phạt tù cao nhất quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 119 của Luật này thì trại giam rà soát, có văn bản đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu nơi họ đang chấp hành án quyết định miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại; b) Trường hợp họ đã chấp hành được một phần hình phạt nhưng chưa đến mức hình phạt tù cao nhất quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 119 của Luật Tư pháp người chưa thành niên thì trại giam rà soát, có văn bản đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu nơi họ đang chấp hành án quyết định giảm mức hình phạt tù đã tuyên xuống còn 09 năm đối với người phạm tội từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi hoặc 15 năm đối với người phạm tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi; c) Trường hợp họ đang được hoãn chấp hành hình phạt tù thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh hoặc cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu rà soát, có văn bản đề nghị Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án quyết định giảm mức hình phạt tù đã tuyên xuống còn 09 năm đối với người phạm tội từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi hoặc 15 năm đối với người phạm tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

+ Trường hợp người chưa thành niên bị xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo trước ngày Luật này được công bố theo đúng các văn bản trước đây và bản án đã



có hiệu lực pháp luật nếu họ có thời gian thử thách trên 03 năm thì kể từ ngày Luật này được công bố giải quyết như sau: a) Trường hợp họ đã chấp hành thời gian thử thách bằng hoặc quá 03 năm thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh có văn bản đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân khu vực, Chánh án Tòa án quân sự khu vực nơi họ cư trú quyết định rút ngắn hết thời gian thử thách còn lại; b) Trường hợp họ đã chấp hành được một phần thời gian thử thách nhưng chưa đến 03 năm thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh có văn bản đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân khu vực, Chánh án Tòa án quân sự khu vực nơi họ cư trú quyết định rút ngắn thời gian thử thách xuống còn 03 năm.

2. Luật Tư pháp người chưa thành niên (sửa đổi, bổ sung năm 2025)

Ngày 25/6/2025, tại kỳ họp thứ 9, khóa XV Quốc hội đã thông qua Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Pháp sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025, trong đó sửa đổi, bổ sung 28 điều của Luật Tư pháp người chưa thành niên, cụ thể như sau:

2.1. Bổ sung quy định cơ quan thi hành án cấp quân khu thi hành quyết định của Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân, Viện kiểm sát quân sự tại khoản 4 Điều 73 để phù hợp với quy định của Luật Thi hành án dân sự.

2.2. Bổ sung quy định Trưởng Công an cấp xã, Phó Trưởng Công an cấp xã có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng và thủ tục tố tụng khác đối với người chưa thành niên để bảo đảm giải quyết các vụ việc, vụ án có người chưa thành niên tham gia nhanh chóng, kịp thời, đồng thời phù hợp với quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

2.3. Các nội dung sửa đổi, bổ sung khác trong Luật này nhằm bảo đảm phù hợp, thống nhất với cơ cấu, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị được quy định tại các văn bản luật khác như: Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự.